

THÔNG KÊ SỨC KHỎE

Cuối năm học 2023-2024 (tháng 3/2024)

Trẻ SDD thể nhẹ cân không chấm biểu 3. Tất cả trẻ còn lại chấm đủ 3 biểu

STT	THÁNG	Mẫu Giáo Thuận Thành								
		Tổng số HS của trường	TSHS được KSK	TSHS được cân đo và theo dõi BDTT	TS THEO DÕI CÂN NẶNG (Biểu 1)	TRẺ SDD THỂ NHẸ CÂN	TS THEO DÕI CHIỀU CAO (Biểu 2)	TRẺ SDD THỂ THẤP CÒI	TS THEO DÕI CÂN NẶNG + CHIỀU CAO (Biểu 3)	TRẺ THỪA CÂN, BÉO PHÌ
1	3	187	187	187	187	0	187	0	187	23

HIỆU TRƯỞNG



NGƯỜI LẬP


Phạm Thị Thanh Hằng

TỔNG HỢP THEO DỐI CÂN ĐO TRẺ THÁNG 3
Năm học: 2023-2024

STT	GVCN	Lớp	Tổng số trẻ	Nữ	Đã khám sức khỏe	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI												Các bệnh khác
						Cân nặng BT	SDDT NC	SDDT NCM ĐN	Chiều cao BT	SDDT TC	SDDT TCM ĐN	SDDT GC	SDDT GCM ĐN	Thừa cân	Béo Phì	Cao hơn		
1	Phạm Thị Huyền Trang Phan Thị Hồng Cúc	Lá 1	32	16	32	25	0	0	32	0	0	0	0	3	5	0		
2	Võ Thị Thúy Hằng Ngô Thị Thu Thủy	Lá 2	34	15	34	31	0	0	34	0	0	0	0	1	2	0		
3	Trần Thị Bạch Huệ Lâm Kim Ngọc Trâm	Lá 3	34	13	34	29	0	0	34	0	0	0	0	2	3	0		
4	Huỳnh Thị Kim Liên Ngô Thị Ngọc Mai	Chồi 1	31	15	31	29	0	0	31	0	0	0	0	0	2	0		
5	Nguyễn Thị Thu Thảo Đinh Thị Mai Quyên	Chồi 2	25	13	25	24	0	0	25	0	0	0	0	1	0	0		
6	Trần Thị Ngọc Hương Võ Thị Ngọc Oanh	Chồi 3	31	13	31	27	0	0	31	0	0	0	0	1	3	0		
TỔNG CỘNG		6	187	85	187	165	0	0	187	0	0	0	0	8	15	0		
TỈ LỆ (%)			100	45.4	100	88.2	0.0	0.0	100	0.0	0.0	0.0	0.0	4.3	8.0	0.0		

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẪU GIÁO THUẬN THÀNH

PHẠM THỊ HỒNG LAN

PHẠM THỊ HỒNG LAN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)

PHẠM THỊ THANH HẰNG

Thuận Thành, ngày 11 tháng 3 năm 2024

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 1 THÁNG 3

Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Nguyễn Hoàng Nhã Phương	02/01/2018	x	17		108			
2	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	13/01/2018	x	24.5		121			
3	Nguyễn Trịnh Gia Phú	26/01/2018		25		124			
4	Trần Đức An	28/01/2018		22.5		116			
5	Văn Thái Tiểu Mai	05/02/2018	x	22.5		116			
6	Võ Phúc Lâm	05/02/2018		24		120			
7	Võ Hoàng Tài Lộc	15/02/2018		20		118			
8	Lê Hoài Khánh Vy	02/03/2018	x			126			34
9	Phan Nguyễn Ngọc Hào	20/03/2018	x	24		120			
10	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	29/03/2018	x			128		32	
11	Nguyễn Thị Hà Vy	9/4/2018	x	17		108			
12	Phan Bình An	20/4/2018				124		28	
13	Bùi Trần Thanh Thơ	19/04/2018	x	21		117			
14	Lê Văn Ngọc Sơn	6/5/2018		26		125			
15	Phạm Thị Bảo Trâm	03/7/2018	x	18.5		114			
16	Trần Hoàng Ngọc Châu	08/07/2018	x	18		110			
17	Khê Minh Hiếu	19/7/2018				122			28
18	Lê Thành Phát	22/07/2018		24		122			
19	Nguyễn Bảo Hân	24/07/2018	x	22		119			
20	Ngô Mạnh Hiền	26/07/2018		21.5		115			
21	Lê Minh Thắng	3/8/2018		23		119			
22	Lê Đức Thịnh	06/08/2018		24		120			
23	Nguyễn Hoàng Dương	03/09/2018				128		29	
24	Nguyễn Lê Gia Phúc	25/09/2018		17.5		104			
25	Bùi Ngọc Phương Trúc	05/10/2018	x	17.5		103			
26	Nguyễn An An	08/10/2018	x	21		112			
27	Lê Ngọc Gia Hân	01/11/2018	x	21		112			
28	Nguyễn Tấn Tài	17/11/2018				109			27.5
29	Thiêm Ngọc Minh Thư	27/11/2018	x	22.5		119			
30	Võ Ngọc Kim Trúc	30/11/2018	x	19		115			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Đoàn Nguyễn An Bình	10/12/2018				115			29
32	Phan Nguyễn Quốc Việt	22/12/2018				117			28
TỔNG CỘNG		32	16	25		32	0	3	5
TỶ LỆ (%)		100	50	78.1		100	0	9.3	15.6

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

**LẬP BẢNG
(NV Y Tế)**



Phạm Thị Huyền Trang ..
Phan Thị Hồng Cúc....

Phạm Thị Thanh Hằng

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 2 THÁNG 3

Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Trần Quốc Huy	3/01/2018		23		117			
2	Nguyễn Kim Vương	25/01/2018		25		122			
3	Nguyễn Phúc Khang	25/01/2018		19		113			
4	Lê Tuấn Kiệt	26/01/2018		18		114			
5	Trần Ngọc Yến Nhi	8/02/2018	x	17		113			
6	Võ Gia Khiêm	19/02/2018		21.5		113			
7	Trần Ngọc Bích	24/02/2018	x	22		114			
8	Bùi Tiến Dũng	07/03/2018				125		27.5	
9	Nguyễn Ngọc Như Ý	24/04/2018	x	23		117			
10	Hà Thị Mỹ Tiên	05/5/2018	x	23.5		118			
11	Lâm Võ Minh Thi	02/06/2018	x	18		108			
12	Nguyễn Trí An	12/6/2018		17		106			
13	Kiều Lâm Bảo Ngọc	17/06/2018	x	19		114			
14	Nguyễn Lâm Hùng Vỹ	03/07/2018		17		109			
15	Phạm Thị Kim Ngân	16/07/2018	x	19.5		115			
16	Võ Ngọc Minh Khuê	19/07/2018	x	21		115			
17	Trương Tuệ Nghi	27/07/2018	x	18.5		114			
18	Nguyễn Bảo Ngọc	30/07/2018	x	19		109			
19	Nguyễn Phạm Ngọc Giàu	02/8/2018		16		105			
20	Nguyễn Ngọc Khả Hân	11/08/2018	x	17		114			
21	Phan Minh Đăng	25/08/2018		20		118			
22	Phạm Thiên Minh	14/09/2018				125			33.5
23	Huỳnh Nguyễn Phúc Xuân	18/09/2018	x	23		117			
24	Nguyễn Trọng Hiếu	26/09/2018				126			34
25	Phạm Khánh Vân	13/10/2018	x	21		112			
26	Nguyễn Huỳnh Thiên	4/11/2018		22.5		117			
27	Trần Gia Bảo	20/11/2018		25		123			
28	Trần Công Duy	22/11/2018		17		109			
29	Trần Phương Anh	01/12/2018	x	17		109			
30	Nguyễn Lê Thành Đạt	07/12/2018		23.5		119			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Hoàng Minh Hiếu	14/12/2018		17		110			
32	Phan Nhật Bình An	16/12/2018		18.5		111			
33	Lê Ngọc Thúy Hằng	16/12/2018	x	19		109			
34	Bùi Hùng Cường	29/12/2018		20		120			
TỔNG CỘNG		34	15	31	0	34		1	2
TỶ LỆ (%)		100	44.1	91.1	0	100		2.9	5.8



GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y Tế)

Võ Thị Thúy Hằng
Ngô Thị Thu Thủy

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 11 tháng 3 năm 2024

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 3 THÁNG 3

Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Lê Quang Khải	03/01/2018		20.5		111			
2	Ngô Thị Kim Tuyên	04/01/2018	x	21.5		120			
3	Lê Tấn Trường	13/01/2018				123		26.5	
4	Huỳnh Anh Thư	18/01/2018	x	23.5		118			
5	Lê Hoàng Tú	24/01/2018				122			29
6	Nguyễn Bá Hữu	02/03/2018		23.5		120			
7	Trần Võ Duy Khoa	05/03/2018		19		112			
8	Đoàn Thiên Long	12/03/2018		19.5		114			
9	Dương Bình Minh	25/4/2018		19		114			
10	Dương Quang Khải	12/04/2018		21		119			
11	Võ Hào Quang Hải	8/5/2018		19		112			
12	Dương Minh Châu	3/5/2018	x	16		107			
13	Dương Gia Bảo	11/5/2018		21		116			
14	Dương Minh Ngọc	21/5/2018	x	19		114			
15	Phạm Gia Huy	30/5/2018		19		109			
16	Dương Minh Anh	30/5/2018	x	20.5		115			
17	Dương Minh Hằng	9/6/2018	x	16		108			
18	Lâm Trường Vũ	14/06/2018		20		110			
19	Dương Minh Phúc	19/6/2018		20		116			
20	Lê Nhật Huy	15/07/2018		21		113			
21	Trần Ngọc Uyên Thư	24/7/2018	x	23		118			
22	Cao Nguyễn Hoài Thương	13/08/2018	x			117			27
23	Nguyễn Ngọc Quỳnh Lam	27/08/2018	x	19		108			
24	Huỳnh Thế Khải	06/09/2018		24		120			
25	Phan Đỗ Huỳnh Lý Boon	23/9/2018		22.5		116			
26	Nguyễn Trần Bảo Châu	19/10/2018	x	22.5		115			
27	Nguyễn Thành Nhân	29/10/2018		22		116			
28	Đoàn Ngọc Lan Vy	07/11/2018	x			117		23.5	
29	Lê Hoàng Thắng	16/11/2018		19.5		110			
30	Huỳnh Nhật Hiếu	16/11/2018		17		105			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Phan Ánh Kim	09/12/2018	x	22		115			
32	Huỳnh Minh Khang	22/12/2018		17		110			
33	Lê Đỗ Hoàng Khang	29/12/2018				117			28
34	Ngô Thị Thanh Loan	30/12/2018	x	18		109			
TỔNG CỘNG		34	13	29		34		2	3
TỶ LỆ (%)		100	38.2	85.2		100		5.8	8.8

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y Tế)



Trần Thị Bạch Huệ

Lâm Kim Ngọc Trâm

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 11 tháng 3 năm 2024

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 1 THÁNG 3
Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Văn Minh Hạo	13/1/2019				106			20.5
2	Nguyễn Tuấn Khoa	14/1/2019		20		116			
3	Nguyễn Ánh Dương	14/01/2019	x	22.5		116			
4	Đặng Ngọc Minh Anh	18/01/2019	x	21.5		113			
5	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	9/2/2019	x	21		113			
6	Nguyễn Thành Đạt	7/3/2019		19		113			
7	Nguyễn Lê Quỳnh Như	17/3/2019	x	16		107			
8	Nguyễn Kim An	20/3/2019	x	16		103			
9	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	31/3/2019	x	19		111			
10	Đoàn Huyền Anh	8/4/2019	x	18.5		108			
11	Nguyễn Hữu Vinh	17/4/2019		17.5		107			
12	Nguyễn Minh Tân	23/4/2019				124			34
13	Lưu Minh Thiên Phú	17/5/2019		23		117			
14	Nguyễn Hồ Phương Quỳnh	23/5/2019	x	22		114			
15	Nguyễn Lê Hiếu Tín	31/7/2019		16		105			
16	Nguyễn Thị Kim Anh	9/8/2019	x	18		105			
17	Trần Minh Đạt	18/8/2019		18		110			
18	Nguyễn Ngọc Anh Thư	20/8/2019	x	16		107			
19	Nguyễn Trần Thanh Hà	01/9/2019	x	18		106			
20	Đào Ngọc Kiều Lan	14/9/2019	x	14.5		99			
21	Phan Minh Mẫn	4/10/2019		15.5		101			
22	Đoàn Ngọc Trúc Quỳnh	16/10/2019	x	17		109			
23	Đoàn Ngọc Như Quỳnh	16/10/2019	x	20		106			
24	Nguyễn Hoàng Tấn Phúc	5/11/2019		20		111			
25	Trần Nguyễn Thanh Duy	2/7/2019		18		110			
26	Trương Hoàng Lâm	9/11/2019		14.5		101			
27	Tôn Nguyễn Minh Thiện	26/11/2019		16		100			
28	Nguyễn Ngọc Như Ý	30/11/2019	x	22		110			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
29	Trần Đông Quân	28/12/2019		21		108			
30	Phạm Nguyễn Phúc Thịnh	28/12/2019		20.5		112			
31	Huỳnh Bình An	26/2/2019		20		110			
TỔNG CỘNG		31	15	29		31		0	2
TỶ LỆ (%)		100	48.3	93.5		100		0	6.4



Phạm Thị Hồng Lan

GVCN

Huỳnh Thị Kim Liên ...

Ngô Thị Ngọc Mai ...

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 11 tháng 3 năm 2024

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 2 THÁNG 3

Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Cao Thái Trân	11/01/2019	x	23		117			
2	Đỗ Ngọc Xuân Nhã	12/01/2019	x	15		105			
3	Vũ Nguyễn Lưu Thịnh	16/01/2019		16		109			
4	Lâm Phước Như Ý	31/1/2019	x	22.5		116			
5	Nguyễn Trần Gia Huy	3/2/2019		18		105			
6	Nguyễn Minh Đăng	20/3/2019		17.5		102			
7	Lê Bùi Bích Trâm	19/3/2019	x	21		111			
8	Khuru Thanh Lờ	5/4/2019		20.5		113			
9	Mai Thái Gia Hào	30/4/2019	x	16.5		105			
10	Tạ Lê Bảo Thy	12/5/2019	x	20		110			
11	Võ Ngọc Thủy Tiên	14/5/2019	x	18		112			
12	Nguyễn Ngọc Hà Phương	15/5/2019	x	16		105			
13	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/6/2019		17		105			
14	Phan Ngọc Khánh My	26/6/2019	x	25		116			
15	Phan Lê Đăng Khang	24/7/2019		15		102			
16	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	29/7/2019	x	19		109			
17	Trần Nhật Bảo Khang	3/8/2019		18		109			
18	Lê Trần Đan Thư	12/8/2019	x			110		23	
19	Nguyễn Trung Kiên	13/8/2019		23		113			
20	Lê Ngọc Như Ý	19/8/2019	x	14.5		102			
21	Từ Hồng Anh	23/9/2019		20		111			
22	Khuru Minh Khôi	29/9/2019		19		111			
23	Võ Bá Hiên	30/9/2019		18		110			
24	Nguyễn Võ Thiên Phước	20/12/2019		14.5		101			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
25	Cao Phương Quỳnh	20/12/2019	x	19		103			
TỔNG CỘNG		25	13	24	0	25		1	0
TỶ LỆ (%)			52	96	0	100		4	0

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

**LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)**



Nguyễn Thị Thu Thảo 
Đinh Thị Mai Quyên 


Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 11 tháng 3 năm 2024

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 3 THÁNG 3

Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Trần Nguyễn Bảo Khang	12/1/2019		20		110			
2	Ngô Minh Tiến	15/1/2019		24		121			
3	Phan Ngọc Mai	28/01/2019	x	16		105			
4	Lê Hải Phong	3/2/2019		20		115			
5	Mai An Nhiên	15/02/2019	x	24		119			
6	Nguyễn An Phước	17/2/2019		19		110			
7	Phan Thành Đạt	21/2/2019		21.5		114			
8	Đặng Phan Thiên Phúc	7/3/2019		17		112			
9	Nguyễn Thị Lan Vy	22/3/2019	x	17		108			
10	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	30/3/2019	x	28		120			
11	Huỳnh Nguyên Bảo	8/4/2019				114		25	
12	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	22/4/2019				123			33
13	Lương Quỳnh Hiểu Lam	29/4/2019	x	17		108			
14	Trần Võ Sơn Trà	5/6/2019	x	18		108			
15	Nguyễn Minh Trường	8/6/2019		16		101			
16	Lương Thanh Bảo Khang	12/6/2019		14.5		105			r
17	Nguyễn Gia Khánh	15/7/2019				124			33
18	Hồ Tấn Phát	20/7/2019		22		111			
19	Trần Cao Lâm	27/7/2019		22		111			
20	Cam Nguyễn An Nhiên	5/8/2019	x	22		109			
21	Đỗ Trần Gia Hưng	14/8/2019		19		106			
22	Trần Duy Phúc	20/8/2019		21		110			
23	Đỗ Ngọc Nhã Uyên	28/8/2019	x	20		106			
24	Nguyễn Anh Tuấn	31/8/2019		20		111			
25	Trần Huyền Bảo Khánh	25/9/2019	x	16		105			
26	Nguyễn Ngọc Cát Tường	26/9/2019	x	15.5		101			
27	Phạm Linh Chi	17/10/2019	x			108			27.5
28	Huỳnh Vĩnh Khang	17/11/2019		16		108			.

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
29	Trần Thị Trúc Mai	4/12/2019	x	17		101			
30	Nguyễn Trúc Quỳnh	30/12/2019	x	15.5		102			
31	Phạm Gia Hưng	15/7/2019		22		110			
TỔNG CỘNG		31	13	27	0	31	0	1	3
TỶ LỆ (%)		100	41.9	87	0	100	0	3.2	9.6



DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

**LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)**

Trần Thị Ngọc Hương

Võ Thị Ngọc Oanh

Phạm Thị Thanh Hằng